TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 188/2025/DS-ST Ngày: 30 - 9 - 2025 V/v "Tranh chấp hợp đồng tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Chung.

2. Ông Trần Trung Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2025/TLST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2025), có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp H, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên theo đơn khởi kiện; bản tự khai, nguyên đơn (bà T) trình bày:

Giữa bà T và ông Nguyễn Tấn L có mối quan hệ quen biết, do ông L có nhu cầu cần vốn nên ngày 28/6/2023, ông L hỏi mượn bà T 30.000.000 đồng và ngày 26/11/2023 ông L mượn thêm 58.000.000 đồng, giữa hai bên có làm giấy tay. Ông L nói khi nào cần thì ông L trả lại, tuy nhiên bà T đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại tiền nhưng ông L cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn L phải trả số tiền tổng cộng đã vay của bà T là 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng).

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 20/8/2025; biên bản lấy lời khai 20/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Giữa ông L với bà T là chỗ quen biết, ông là bạn của chồng bà T. Ông L có mượn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) của bà T vào ngày 28/6/2023, đến ngày 26/11/2023, do ông L không có tiền đóng lãi nên bà T yêu cầu ông L ghi thêm giấy mượn tiền mới, tổng lãi là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) với số tiền ông L đã mượn là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tổng cộng là 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng). Nhưng thực tế, ông L chỉ vay của bà T là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông L không đồng ý. Ông L xác định chỉ vay của bà T số tiền gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Về chứng cứ để xác định đây là tiền lãi nhập tiền gốc thì ông L không có chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố dụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 Bộ luật Tố dụng dân sự về xác định tư cách tham gia tố tụng; Các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố dụng dân sự về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 Bộ luật Tố dụng dân sự về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự; Các Điều từ 208 đến 211 Bộ luật Tố dụng dân sự về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Điều 203 Bộ luật Tố dụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản). Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: Bà T yêu cầu ông L trả số tiền vay 88.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 28/6/2023 và ngày 26/11/2023 giữa bà T và ông L là có cơ sở chấp nhận. Ông L thừa nhận có ký tên vào các giấy vay tiền ngày 28/6/2023 và ngày 26/11/2023. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên ông L cho rằng chỉ vay 30.000.000 đồng còn giấy vay ngày 26/11/2023 là cộng dồn lãi suất và tiền gốc, ông cho rằng lãi suất là 10% nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời tại giấy vay tiền ngày 26/11/2023 thể hiện nội dung Bên A (bà T) đồng ý cho bên B (ông L) mượn số tiền là 58.000.000 đồng, không thể hiện nội dụng cộng tiền lãi và tiền gốc như ông L đã trình bày.

Từ những chứng cứ trên cho thấy giữa ông L và bà T có tồn tại hợp đồng vay tài sản, không kỳ hạn, không thoả thuận lãi suất, nhiều lần bà T yêu cầu ông L thanh toán số tiền vay nêu trên nhưng ông L không thực hiện là vi phạm sự thỏa thuận của các bên, do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận chấp nhận toàn bộ.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Toà án thu thập và quy định định của pháp luật tại Điều 357, 463, 469 Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ông L thanh toán số tiền 88.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản ký kết ngày 28/6/2023 30.000.000 đồng và ngày 26/11/2023 vay thêm 58.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Tấn L có nơi cư trú tại ấp H, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn L phải lại cho bà T toonhr số tiền 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng) nợ gốc mà ông L đã vay theo giấy vay tiền ngày 28/6/2023 và ngày 26/11/2023, không yêu cầu tính lãi.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Giấy mượn tiền ngày 28/6/2023 và ngày 26/11/2023 (bản chính) do đại diện nguyên đơn cung cấp có nội dung tóm tắt như sau: "Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1990; CCCD số 074090009041; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện D, Bình Dương (nay là ấp H, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh) có mượn của bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1996; CCCD số 074196007390; nơi cư trú: ấp Đ, xã A, huyện D, Bình Dương (nay là ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) tổng cộng 88.000.000 đồng; không thoả thuận thời hạn trả.

[2.2] Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định được bị đơn ông L có vay tiền của bà T 02 lần, tổng cộng 88.000.000 đồng, bà T đã yêu cầu ông L trả nợ nhưng bị đơn ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ với lý do ông cho rằng giấy mượn tiền ngày 26/11/2023, vay 58.000.000 đồng là giấy nợ xác nhận

nợ lãi nhập nợ gốc của 30.000.000 đồng đã vay vào ngày 28/6/2023. Tuy nhiên, ông L không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông L thừa nhận chữ ký tại 02 giấy mượn tiền nêu trên là chữ ký của ông L, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 42; 147; 177; 227; 228; 229; 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357; 463; 466 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T.

Buộc ông Nguyễn Tấn L trả lại cho bà Phạm Thị Kim T 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng theo giấy mượn tiền 28/6/2023 và ngày 26/11/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bi đơn ông Nguyễn Tấn L phải chịu 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim T 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007432 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 18, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quân Vương